

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê,
đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin,
thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết các Điều 8, Điều 12, Điều 19, Điều 20, khoản 2 Điều 42, Điều 43, khoản 1 Điều 45, Điều 47 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về liên chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; tạp chí khoa học; đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, tổ chức, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; loại hình tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức khoa học và công nghệ; thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập; công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển và hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về hoạt động thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Liêm chính khoa học là các yêu cầu về sự ngay thẳng, trung thực, trách nhiệm, công bằng và minh bạch trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.
2. Đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực về tính trung thực, minh bạch, công bằng, khách quan, tôn trọng con người và xã hội mà các nhà nghiên cứu cần tuân thủ trong quá trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.
3. Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài là tổ chức khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập hoặc góp vốn hợp tác với tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập tại Việt Nam.
4. Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức được tạo ra trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
5. Thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là việc sử dụng hệ thống các phương pháp để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quá trình dự báo và ra quyết định.
6. Đánh giá khoa học là việc xem xét, phân tích có hệ thống và đưa ra báo cáo, nhận định khách quan về kết quả, hiệu quả, tác động của các đối tượng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
7. Đánh giá kết quả là việc đo lường và phân tích mức độ hoàn thành các mục tiêu và chỉ tiêu đã được đề ra trong kế hoạch hoặc nhiệm vụ.
8. Đánh giá hiệu quả là việc đo lường và phân tích mức độ hợp lý, tối ưu hoá trong việc sử dụng nguồn lực so với mục tiêu và kết quả đạt được.
9. Đánh giá tác động là việc đo lường và phân tích các ảnh hưởng dài hạn mà một chương trình, kế hoạch hoặc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mang lại đối với kinh tế, xã hội, môi trường, hoặc các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể.
10. Phản biện kín hai chiều là hình thức nhận xét, đánh giá đối với bản thảo bài báo khoa học mà người phản biện và tác giả không biết danh tính của nhau trong suốt quá trình phản biện.

Điều 4. Liêm chính khoa học trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải tuân thủ các nguyên tắc liêm chính sau đây:

1. Trung thực trong việc đề xuất, thực hiện, công bố và ứng dụng kết quả nghiên cứu.

2. Khách quan và minh bạch trong quá trình thiết kế nghiên cứu, thu thập, phân tích, xử lý và đánh giá kết quả nghiên cứu.

3. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và ghi nhận đầy đủ, chính xác sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức liên quan.

4. Chịu trách nhiệm giải trình đối với kết quả nghiên cứu trước tổ chức chủ trì, cơ quan tài trợ, cộng đồng khoa học và xã hội khi được yêu cầu.

Điều 5. Đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp sau:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, không gây tổn hại đến xã hội và môi trường hoặc vi phạm các giá trị nhân văn.

2. Tôn trọng, bảo đảm an toàn và phẩm giá của đối tượng nghiên cứu, đặc biệt là con người. Không xâm phạm quyền và lợi ích của đối tượng nghiên cứu.

3. Bảo mật thông tin và bảo vệ quyền riêng tư của đối tượng nghiên cứu.

4. Không lạm dụng tài nguyên nghiên cứu vào mục đích cá nhân.

5. Công khai các xung đột lợi ích có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập, kết quả nghiên cứu.

6. Tôn trọng đồng nghiệp và cộng đồng khoa học.

Điều 6. Các hành vi vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

1. Các hành vi vi phạm liêm chính khoa học bao gồm:

a) Ngụy tạo dữ liệu, kết quả nghiên cứu;

b) Giả mạo dữ liệu;

c) Đạo văn dưới mọi hình thức;

d) Ghi tên tác giả không đúng thực tế hoặc loại bỏ tác giả có đóng góp thực sự;

đ) Cản trở, đe dọa, ép buộc, can thiệp vào quá trình đánh giá, phản biện, xét duyệt bản thảo công bố khoa học;

e) Các hành vi khác vi phạm nguyên tắc liên chính quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

a) Che giấu rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng;

b) Truyền bá thông tin sai sự thật, xuyên tạc kết quả nghiên cứu;

c) Không được sự đồng ý tự nguyện bằng văn bản hoặc các hình thức khác tương tự của đối tượng nghiên cứu khi nghiên cứu trên người;

d) Tiết lộ dữ liệu nhạy cảm thu thập trong nghiên cứu mà không có sự cho phép;

đ) Sử dụng thiết bị, kinh phí, vật tư phục vụ mục đích cá nhân;

e) Không công khai mối quan hệ tài chính, nguồn tài trợ nghiên cứu, các xung đột lợi ích có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập, kết quả nghiên cứu;

g) Thử nghiệm công nghệ hoặc sản phẩm mới gây tác động tiêu cực đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên hoặc sức khỏe cộng đồng mà không có biện pháp đánh giá tác động và kiểm soát;

h) Thực hiện nghiên cứu xâm phạm nhân phẩm, danh dự, quyền riêng tư của cá nhân, cộng đồng;

i) Các hành vi khác vi phạm nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này có thể bị xử lý kỷ luật hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cá nhân bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp có đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh thì được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 7. Trách nhiệm hướng dẫn áp dụng, kiểm tra việc tuân thủ liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn về liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Bộ Y tế hướng dẫn nội dung quy định đạo đức trong nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người.

2. Các cơ quan tài trợ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ ban hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc tuân thủ quy tắc về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp dựa trên tài liệu hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp phát hiện cá nhân có dấu hiệu vi phạm liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này tổ chức xác minh sơ bộ, thành lập hội đồng tư vấn gồm những cá nhân có chuyên môn phù hợp, độc lập với nội dung vụ việc để tổ chức xác minh, làm việc với các bên liên quan, xác định việc có hay không có hành vi vi phạm và ban hành văn bản kết luận về hành vi vi phạm.

4. Trong quá trình xem xét, xác minh vi phạm liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này phải bảo đảm quyền được biết, quyền giải trình, quyền khiếu nại của các cá nhân bị cáo buộc vi phạm.

Điều 8. Cập nhật thông tin vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

1. Cơ quan có thẩm quyền ban hành kết luận về hành vi vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các điểm b, d, đ khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định này có trách nhiệm cập nhật thông tin lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành kết luận.

2. Thông tin cập nhật về vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp (bao gồm cả trường hợp được hủy bỏ kết luận vi phạm) gồm: Tên cá nhân vi phạm; tổ chức nơi cá nhân công tác; mô tả hành vi vi phạm; sản phẩm học thuật bị ảnh hưởng; kết luận, hình thức xử lý; thời gian có hiệu lực văn bản kết luận.

3. Cơ quan có thẩm quyền kết luận về hành vi vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp quyết định thời hiệu và chế tài cụ thể đối với cá nhân có hành vi vi phạm và ban hành văn bản kết luận về hành vi vi phạm.

Chương II

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Loại hình tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm viện hàn lâm, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức ươm tạo công nghệ, sản giao dịch khoa học và công nghệ, trung tâm chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức đánh giá, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định công nghệ và các hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định;

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số và các loại hình doanh nghiệp khác có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có chức năng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm tổ chức công lập, tổ chức ngoài công lập, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài được đăng ký, đề xuất và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng con dấu của đơn vị cho hoạt động sản xuất, kinh doanh

a) Tổ chức khoa học và công nghệ đã được cấp giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh; được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, vốn của tổ chức được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập, quản lý tổ chức khoa học và công nghệ.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài, vốn của tổ chức do người đại diện tổ chức đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngành, nghề kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ phải phù hợp với lĩnh vực hoạt động trong giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố cấp đăng ký kinh doanh cho tổ chức khoa học và công nghệ có địa chỉ trụ sở chính trong phạm vi địa phương mình, trừ trường hợp Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ có địa chỉ trụ sở chính đặt trong khu công nghệ cao;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này phải thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đăng ký tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt kinh doanh, công khai thông tin đăng ký kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định, chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và các báo cáo;

d) Tổ chức khoa học và công nghệ có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Tổ chức khoa học công nghệ có quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ bị thu hồi trong các trường hợp: Tổ chức khoa học và công nghệ bị thu hồi hoặc bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ; nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh là giả mạo; tổ chức khoa học và công nghệ không gửi báo cáo theo yêu cầu đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo; theo đề nghị của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật;

e) Bộ Tài chính có trách nhiệm:

Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký kinh doanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký kinh doanh, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký kinh doanh

Phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thực hiện đăng ký kinh doanh cho tổ chức khoa học và công nghệ; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ chuyển đổi dữ liệu của tổ chức khoa học và công nghệ đã đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực; theo dõi, kiểm tra Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện nghiệp vụ đăng ký kinh doanh cho tổ chức khoa học và công nghệ.

Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt kinh doanh, thu hồi và khôi phục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa

học và công nghệ; quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh; quy định về công bố, cung cấp và khai thác, chia sẻ thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ; quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 10. Điều kiện thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động

a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động quy định rõ: tên gọi, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, phương thức quản lý và điều hành, điều kiện chia, tách, sáp nhập, giải thể và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

b) Tên tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch quốc tế và tên viết tắt (nếu có), được viết bằng các chữ cái trong Bảng chữ cái tiếng Việt; có thể kèm theo các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu, bảo đảm dễ đọc, dễ phát âm.

Tên tổ chức khoa học và công nghệ bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của tổ chức khoa học và công nghệ có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Tên tổ chức không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức khác đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ;

c) Có trụ sở chính tại Việt Nam với địa chỉ rõ ràng theo địa danh hành chính, có số điện thoại, địa chỉ thư điện tử liên lạc chính thức;

d) Người đại diện theo pháp luật là người đứng đầu tổ chức, được quy định rõ trong điều lệ hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Lĩnh vực hoạt động được xác định theo mã cấp 2 của Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ;

e) Quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các chức danh lãnh đạo và bộ máy điều hành;

g) Điều kiện, trình tự, thủ tục sáp nhập, chia, tách, giải thể (nếu có).

2. Nhân lực khoa học và công nghệ

a) Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên làm việc toàn thời gian (đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập); trong đó tối thiểu 30% có trình độ chuyên môn phù hợp với từng lĩnh vực đăng ký hoạt động;

b) Đối với tổ chức nghiên cứu khoa học hoặc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải có ít nhất 01 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp, làm việc toàn thời gian trong mỗi lĩnh vực đăng ký;

c) Người đứng đầu tổ chức phải có trình độ đại học trở lên, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm quản lý phù hợp; đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thành lập dưới hình thức viện, người đứng đầu phải có trình độ tiến sĩ.

3. Cơ sở vật chất - kỹ thuật

Có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, thiết bị, tài sản trí tuệ và các phương tiện kỹ thuật khác đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 11. Thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

1. Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương theo thẩm quyền.

5. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và điều lệ.

6. Cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện, doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của mình.

7. Cá nhân được quyền thành lập hoặc góp vốn thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trừ các lĩnh vực thuộc danh mục hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ; quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ do mình thành lập phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ đặc thù quy định tại Điều 46 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không bắt buộc phải đáp ứng tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài và tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập

1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn;

c) Lý lịch khoa học của người dự kiến đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài;

d) Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động;

đ) Đề án thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, bao gồm: sự cần thiết thành lập; sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của Việt Nam; mục tiêu, nội dung, lĩnh vực, phạm vi hoạt động; dự kiến nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; quy mô đầu tư và phân tích tài chính (nếu có);

e) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 10 Nghị định này;

g) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc tài liệu tương đương trong năm tài chính gần nhất của tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn.

2. Tài liệu trong hồ sơ được lập bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực theo quy định.

3. Các tài liệu quy định tại các điểm b, c và g khoản 1 Điều này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Trường hợp dự án thành lập tổ chức gắn với việc đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ phải kèm theo báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

5. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài được lập thành 01 bộ gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, nơi tổ chức dự kiến đặt trụ sở chính thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời theo chức năng quản lý nhà nước được giao;

d) Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; sao gửi Quyết định thành lập đến Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an;

Quyết định cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như Quyết định cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài bằng văn bản giấy;

đ) Trường hợp không chấp thuận thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị, trong đó nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được cấp quyết định cho phép thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài phải hoàn tất việc thành lập và thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Tổ chức, cá nhân quyết định việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập của mình.

Điều 14. Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ có trụ sở chính tại Việt Nam được thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài (bao gồm tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh) khi đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục sau đây:

a) Có đơn đề nghị thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài, gửi cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề án thành lập đơn vị trực thuộc, nêu rõ: sự cần thiết, mục tiêu, nội dung hoạt động, địa điểm và hình thức tổ chức;

c) Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam;

d) Cam kết không vi phạm các quy định tại Điều 14 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài được lập thành 01 bộ gửi đến cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xem xét và có văn bản thông báo về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Văn bản thông báo về việc đáp ứng các điều kiện bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như văn bản thông báo về việc đáp ứng các điều kiện bằng văn bản giấy.

3. Việc cho phép thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế, đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được phép thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn tất việc thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài và thông báo bằng văn bản đến cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.

Điều 15. Văn phòng đại diện và chi nhánh trong nước của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức khoa học và công nghệ, được thành lập để đại diện theo ủy quyền, thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức trong phạm vi được giao.

2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức khoa học và công nghệ, thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng hoạt động của tổ chức, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền.

3. Văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ không có tư cách pháp nhân, không được thực hiện các hoạt động vượt quá phạm vi ủy quyền của tổ chức chủ quản.

4. Lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện và chi nhánh phải phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản theo quy định pháp luật.

Điều 16. Điều kiện thành lập và đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh trong nước của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong nước được thành lập khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh được quy định cụ thể trong điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Văn phòng đại diện phải có tối thiểu 02 người làm việc toàn thời gian có trình độ đại học trở lên;

Chi nhánh phải có tối thiểu 03 người làm việc toàn thời gian có trình độ đại học trở lên, trong đó ít nhất 01 người có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động chủ yếu đăng ký;

Người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh phải có trình độ đại học trở lên và làm việc chính thức tại văn phòng đại diện, chi nhánh;

c) Văn phòng đại diện, chi nhánh có trụ sở chính tại Việt Nam với địa chỉ rõ ràng theo địa danh hành chính, có số điện thoại, địa chỉ thư điện tử liên lạc chính thức.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh tại cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh;

c) Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh;

d) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về nhân lực và trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh, bao gồm: Bảng danh sách nhân lực theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị định này;

đ) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức chủ quản.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đăng ký được lập thành 01 bộ gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh bằng văn bản giấy.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh tại cơ quan đã cấp giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh lần đầu trong các trường hợp có sự điều chỉnh thông tin đã đăng ký hoặc giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng, rách nát, sai sót thông tin.

a) Hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh bao gồm: đơn đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu, hồ sơ chứng minh nội dung thay đổi hoặc bổ sung tương ứng với từng trường hợp như sau:

Thay đổi tên của văn phòng đại diện, chi nhánh: Người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh. Đối với trường hợp thay đổi từ văn phòng đại diện thành chi nhánh, bổ sung tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Bảng danh sách nhân lực theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh.

Thay đổi về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh: Hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh: giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức chủ quản.

b) Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

Hồ sơ được lập thành 01 bộ gửi đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều này, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh đã được thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại. Trường hợp từ chối cấp, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

Mẫu giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Sáp nhập tổ chức khoa học và công nghệ

1. Một hoặc nhiều tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi là tổ chức bị sáp nhập) có thể được sáp nhập vào một tổ chức khoa học và công nghệ khác (sau đây gọi là tổ chức nhận sáp nhập) thông qua việc chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức bị sáp nhập sang tổ chức nhận sáp nhập. Sau khi sáp nhập, tổ chức bị sáp nhập chấm dứt tư cách pháp nhân. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ cập nhật tình trạng của tổ chức bị sáp nhập lên Cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Trình tự, thủ tục sáp nhập tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

a) Các tổ chức khoa học và công nghệ liên quan xây dựng thỏa thuận sáp nhập và dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động (điều lệ sửa đổi, bổ sung) của tổ chức nhận sáp nhập. Thỏa thuận sáp nhập phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Tên và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức nhận sáp nhập và tổ chức bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động sau sáp nhập; thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển giao tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của tổ chức bị sáp nhập thành phần vốn góp của tổ chức nhận sáp nhập (nếu có); thời hạn thực hiện việc sáp nhập;

b) Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ liên quan quyết định việc sáp nhập, thông qua thỏa thuận sáp nhập và điều lệ tổ chức (sửa đổi) của tổ chức nhận sáp nhập.

Tổ chức nhận sáp nhập có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ. Hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo bản thỏa thuận sáp nhập và điều lệ sửa đổi.

Bản thỏa thuận sáp nhập phải được gửi đến tất cả các chủ nợ (nếu có) và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày được thông qua;

c) Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi theo quy định, tổ chức bị sáp nhập chính thức chấm dứt hoạt động; tổ chức nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm về tài sản, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức bị sáp nhập.

Điều 18. Hợp nhất tổ chức khoa học và công nghệ

1. Hai hoặc nhiều tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi là tổ chức bị hợp nhất) có thể hợp nhất để hình thành một tổ chức khoa học và công nghệ mới (sau đây gọi là tổ chức hợp nhất).

2. Sau khi được hợp nhất, tổ chức hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thành lập theo quy định tại Nghị định này và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tài sản, hợp đồng, lao động và lợi ích hợp pháp của các tổ chức bị hợp nhất. Tổ chức bị hợp nhất chấm dứt tư cách pháp nhân. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ cập nhật tình trạng của tổ chức bị hợp nhất lên Cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ ra quyết định hợp nhất; hồ sơ đăng ký tổ chức hợp nhất phải kèm theo quyết định hợp nhất, bản thỏa thuận hợp nhất và điều lệ tổ chức hợp nhất.

Điều 19. Chia tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ có thể được chia thành hai hoặc nhiều tổ chức khoa học và công nghệ mới. Sau khi chia, tổ chức bị chia chấm dứt hoạt động. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ cập nhật tình trạng của tổ chức bị chia lên Cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Quyết định chia tổ chức khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ bị chia ban hành, phù hợp với quy định của Nghị định này và điều lệ tổ chức. Quyết định chia phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ bị chia;
- b) Tên dự kiến và thông tin cơ bản của các tổ chức khoa học và công nghệ được hình thành sau chia;
- c) Nguyên tắc và thủ tục chia tách tài sản;
- d) Phương án sử dụng lao động;
- đ) Thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi phần vốn góp (nếu có);
- e) Nguyên tắc xử lý nghĩa vụ tài sản, hợp đồng, lao động và trách nhiệm pháp lý;
- g) Thời hạn thực hiện việc chia tổ chức khoa học và công nghệ.

Quyết định chia tổ chức khoa học và công nghệ phải được gửi đến tất cả các chủ nợ (nếu có) và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

3. Sau khi các tổ chức khoa học và công nghệ mới được đăng ký theo quy định, tổ chức bị chia chấm dứt tư cách pháp nhân. Các tổ chức mới được thành lập có trách nhiệm liên đới thực hiện các nghĩa vụ chưa thanh toán, hợp đồng lao động, nghĩa vụ tài sản và các nghĩa vụ pháp lý khác của tổ chức bị chia, trừ trường hợp có thỏa thuận khác được các bên liên quan chấp thuận bằng văn bản.

4. Các tổ chức khoa học và công nghệ mới được hình thành sau chia phải đáp ứng đầy đủ điều kiện thành lập theo quy định tại Nghị định này và thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ. Hồ sơ đăng ký phải kèm theo quyết định chia tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 20. Tách tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ có thể thực hiện việc tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền và nghĩa vụ sang một hoặc một số tổ chức khoa học và công nghệ mới (sau đây gọi là tổ chức được tách) mà không chấm dứt sự tồn tại của tổ chức khoa học và công nghệ bị tách.

2. Việc tách tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện theo quyết định của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ bị tách, phù hợp với quy định tại Nghị định này và điều lệ tổ chức. Quyết định tách phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ bị tách;
- b) Tên và thông tin cơ bản của tổ chức khoa học và công nghệ được tách;
- c) Phương án sử dụng lao động;

d) Giá trị tài sản, quyền và nghĩa vụ được chuyển từ tổ chức bị tách sang tổ chức được tách;

đ) Thời hạn thực hiện việc tách tổ chức khoa học và công nghệ.

Quyết định tách phải được gửi đến tất cả các chủ nợ (nếu có) và thông báo cho người lao động trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

3. Tổ chức bị tách và tổ chức được tách có trách nhiệm liên đới đối với các khoản nợ chưa thanh toán (nếu có), nghĩa vụ tài sản, hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng phát sinh từ tổ chức bị tách, trừ trường hợp có thỏa thuận khác được các bên liên quan chấp thuận bằng văn bản.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ mới được thành lập sau khi tách phải đáp ứng đầy đủ điều kiện và thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký thành lập theo quy định tại Nghị định này. Hồ sơ đăng ký thành lập phải kèm theo quyết định tách tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 21. Giải thể tổ chức khoa học và công nghệ

1. Giải thể tổ chức khoa học và công nghệ là việc chấm dứt hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. Việc giải thể được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập;
- b) Tổ chức khoa học và công nghệ bị thu hồi hoặc bị hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động (nếu có quy định về thời hạn hoạt động và không gia hạn khi hết thời hạn đó).

2. Tổ chức khoa học và công nghệ chỉ được giải thể khi đã hoàn thành việc thanh toán toàn bộ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ pháp lý khác phát sinh trước thời điểm giải thể.

3. Việc giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Việc giải thể tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện như sau:

- a) Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập quyết định giải thể tổ chức khoa học và công nghệ. Quyết định giải thể phải bao gồm các nội dung chủ yếu

sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức; lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thanh lý tài sản, thanh toán các khoản nợ (không quá 06 tháng kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực); phương án xử lý hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng; họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật; tổ chức, cá nhân thực hiện thanh lý tài sản, trừ trường hợp điều lệ quy định việc thành lập tổ chức thanh lý riêng;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ, các chủ nợ (nếu có), người lao động và các bên có quyền, nghĩa vụ liên quan; niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ; công bố trên ít nhất 01 tờ báo tại địa phương nơi đặt trụ sở chính trong 03 số liên tiếp hoặc trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính; thông báo gửi cho chủ nợ (nếu có) phải nêu rõ phương án giải quyết nợ, bao gồm: tên, địa chỉ chủ nợ; số nợ; thời hạn, địa điểm, phương thức thanh toán; phương thức và thời hạn xử lý khiếu nại của chủ nợ;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và các thủ tục theo quy định tại điểm a khoản này, người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ phải gửi thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ giải thể đến cơ quan đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ kèm theo hồ sơ xác nhận giải thể.

Điều 22. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ

1. Cơ quan thực hiện chức năng thông tin, thống kê thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ cho tổ chức khoa học và công nghệ do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Nghị định này, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện thuộc các bộ, cơ quan trung ương.

2. Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức khoa học và công nghệ đặt trụ sở chính cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ cho các tổ chức không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cấp, cấp lại, thay đổi, bổ sung thông tin giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Tước quyền sử dụng hoặc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ đã cấp theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký phải cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 23. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đơn đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Lý lịch khoa học của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân thành lập phê duyệt. Điều lệ tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật quy định tại khoản 2 và 3 Điều 10 Nghị định này, bao gồm: Bảng danh sách nhân lực theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Hồ sơ chứng minh trụ sở chính phải có một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức khoa học và công nghệ đối với địa điểm nơi đặt trụ sở chính, hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở chính, kèm theo giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của bên cho thuê hoặc cho mượn hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn;

g) Ngoài trụ sở chính, tổ chức khoa học và công nghệ có thể đăng ký các địa điểm hoạt động khác tại cùng tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký địa điểm hoạt động khác áp dụng như hồ sơ về trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ đối với cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện bao gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký có trách nhiệm trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung hồ sơ kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục đăng ký được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đăng ký được lập thành 01 bộ gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 22 của Nghị định này thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ bằng văn bản giấy.

Mẫu giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 24. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ trong các trường hợp có sự điều chỉnh thông tin đã đăng ký hoặc Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng, rách nát, sai sót thông tin.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu, hồ sơ chứng minh nội dung thay đổi hoặc bổ sung tương ứng với từng trường hợp như sau:

Thay đổi tên của tổ chức: Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ.

Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức: Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; hồ sơ về nhân lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

Thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức: Quyết định đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp hoặc thay đổi cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ.

Thay đổi người đứng đầu tổ chức: Hồ sơ của người đứng đầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

Thay đổi về trụ sở chính của tổ chức (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này): Hồ sơ về trụ sở chính theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị định này;

c) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi trụ sở chính (chuyển sang tỉnh/thành phố khác nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ) dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận:

Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận tại địa chỉ trụ sở chính mới. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; hồ sơ về trụ sở chính theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị định này; thông tin về Giấy chứng nhận cũ (số, ngày và cơ quan cấp) được ghi trên Giấy chứng nhận mới để bảo đảm tính liên tục hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

Tổ chức phải có văn bản đề nghị thay đổi trụ sở chính gửi cơ quan đã cấp giấy chứng nhận và nộp lại bản gốc giấy chứng nhận. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan cấp Giấy chứng nhận có văn bản xác nhận tổ chức khoa học và công nghệ đã hoàn tất thủ tục đồng thời gửi bản sao giấy chứng nhận và hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức cho cơ quan cấp giấy chứng nhận nơi tổ chức chuyển trụ sở đến.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Hồ sơ được lập thành 01 bộ gửi đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa hợp lệ;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ đã được thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại. Trường hợp từ chối cấp, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm đăng ký và báo cáo của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này và giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, gửi đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ, giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh.

3. Chế độ báo cáo

a) Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nộp báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

b) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu, giải thích những vấn đề liên quan.

4. Trách nhiệm lập và nộp báo cáo

a) Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ có nghĩa vụ chấp hành báo cáo tình hình hoạt động đầy đủ, chính xác những chỉ tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo; lập báo cáo theo đúng quy định về thời điểm báo cáo và thời kỳ báo cáo; chịu trách nhiệm về tính xác thực của những thông tin trong báo cáo;

b) Phương thức nộp báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện bằng hình thức bản giấy hoặc bản điện tử:

Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu;

Báo cáo bản điện tử có chữ ký số của lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), không được đặt mật khẩu và gửi về địa chỉ thư điện tử đến cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép.

Mẫu báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Mẫu báo cáo tình hình hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 26. Tước quyền sử dụng, thu hồi và hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ, giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh

1. Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ bị tước quyền sử dụng trong thời hạn tối đa 06 tháng trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Nghị định này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu;

b) Tổ chức không còn đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 10 Nghị định này trong thời gian liên tục 12 tháng;

c) Tổ chức không thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày phát sinh thay đổi hoặc từ thời điểm bị mất, hư hỏng giấy chứng nhận.

2. Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ bị thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức có hành vi giả mạo nội dung hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đăng ký;

b) Hết thời hạn tước quyền sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này mà tổ chức không khắc phục hoặc không thể khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Theo yêu cầu hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ có thẩm quyền ban hành quyết định tước quyền sử dụng hoặc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận và thực hiện các trách nhiệm sau:

a) Thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt trụ sở chính và cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức (nếu có);

b) Công khai thông tin về việc tước quyền sử dụng hoặc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận trên trang thông tin điện tử của mình;

c) Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh bị tước quyền sử dụng trong thời hạn tối đa 06 tháng trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai hoạt động sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày được giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh;

b) Ngừng hoạt động quá 12 tháng liên tục mà không có lý do chính đáng;

c) Không bảo đảm các điều kiện tối thiểu tương ứng được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng liên tục;

d) Không đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có thay đổi, bổ sung hoặc mất giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh;

đ) Trường hợp giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản bị tước quyền sử dụng thì giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh bị tước quyền sử dụng theo thời hạn tước quyền sử dụng của giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.

5. Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh bị thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Giả mạo nội dung kê khai trong hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh;

b) Theo quyết định, đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền khi văn phòng đại diện, chi nhánh có hành vi vi phạm trong quá trình hoạt động;

c) Quá thời hạn tước quyền sử dụng giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh mà văn phòng đại diện, chi nhánh không tiến hành các biện pháp khắc phục hoặc không khắc phục được theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ của cơ quan chủ quản bị thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực;

đ) Theo quyết định chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.

6. Cơ quan cấp giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh ra quyết định tước quyền sử dụng, thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh đã cấp cho văn phòng đại diện, chi nhánh trong các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này và thông báo cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 27. Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

1. Nguyên tắc công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

a) Tổ chức yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển nộp hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 22 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu công nhận, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của tổ chức xảy ra trước và sau khi công nhận;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận không giải quyết tranh chấp giữa tổ chức được công nhận với tổ chức, cá nhân khác;

d) Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển có giá trị 05 năm.

2. Điều kiện công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

Tổ chức được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập hợp pháp và đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ghi rõ trong một trong các văn bản sau: Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Có đội ngũ nhân lực nghiên cứu toàn thời gian tối thiểu 10 người, trong đó ít nhất 01 tiến sĩ thuộc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức;

d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu phù hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo lĩnh vực đăng ký hoạt động; được sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp;

đ) Có nguồn tài chính ổn định, bảo đảm mức chi hoặc cam kết chi tối thiểu 02 tỷ đồng mỗi năm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

e) Có kết quả nghiên cứu được ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa trong thời gian 05 năm gần nhất; hoặc có đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, bản quyền phần mềm máy tính hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 28. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

1. Hồ sơ đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển, nêu rõ mục tiêu, lĩnh vực hoạt động chính và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật;

b) Bản sao hợp lệ các tài liệu sau: quyết định thành lập, điều lệ tổ chức và hoạt động;

c) Danh sách nhân lực nghiên cứu toàn thời gian đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định này;

d) Tài liệu minh chứng mức chi hoặc cam kết chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ) Tài liệu minh chứng kết quả nghiên cứu được ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa trong 05 năm gần nhất; hoặc tài liệu xác nhận việc nộp đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển:

a) Tổ chức có nhu cầu đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển lập thành 01 bộ gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 Nghị định này, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

Đối với hồ sơ nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Hồ sơ đăng ký phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), được ký số hoặc số hóa từ bản giấy, bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác các nội dung theo bản giấy.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, phải có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển, tiến hành thẩm định và cấp giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển bằng văn bản giấy.

3. Mẫu giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 29. Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

1. Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (sau đây gọi là Hội đồng tư vấn công nhận) có từ 09 đến 11 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên hội đồng, trong đó 02 uỷ viên phản biện là chuyên gia có am hiểu sâu sắc lĩnh vực được giao tư vấn. Hội đồng tư vấn công nhận có ít nhất 1/2 thành viên là các chuyên gia có uy tín, có chuyên môn phù hợp, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực được giao tư vấn; phần còn lại là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách và doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn công nhận

a) Phiên họp của Hội đồng tư vấn công nhận được thực hiện khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp và có đủ 02 uỷ viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của các thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo. Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn công nhận kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn công nhận mời thêm chuyên gia ở ngoài Hội đồng tư vấn công nhận để đánh giá hồ sơ.

b) Hội đồng tư vấn công nhận làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan. Các thành viên của Hội đồng tư vấn công nhận có trách nhiệm thẩm định trung thực, khách quan và công bằng. Thành viên của Hội đồng tư vấn công nhận chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận của Hội đồng tư vấn công nhận.

3. Trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn công nhận

a) Hội đồng tư vấn công nhận phân công 01 ủy viên làm thư ký Hội đồng để ghi chép ý kiến của các thành viên, biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng và các văn bản khác có liên quan;

b) Các ủy viên phản biện trình bày ý kiến, nhận xét về từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ được giao tư vấn; đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí của trung tâm nghiên cứu và phát triển theo quy định;

c) Hội đồng thảo luận, góp ý về từng tiêu chí, điều kiện đánh giá liên quan đến hồ sơ được giao tư vấn. Trong trường hợp mời chuyên gia ở ngoài Hội đồng, sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia không tiếp tục dự phiên họp của Hội đồng;

d) Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá về hồ sơ yêu cầu. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 thành viên Hội đồng, trong đó có một Trưởng ban) và tiến hành bỏ phiếu (theo phương thức bỏ phiếu kín) về việc đồng ý hay không đồng ý với yêu cầu của hồ sơ;

đ) Hội đồng thống nhất kết quả thẩm định đồng ý với yêu cầu của hồ sơ khi có trên 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu “Đồng ý”; thống nhất kết quả thẩm định “Không đồng ý” với yêu cầu của hồ sơ trong các trường hợp còn lại. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn công nhận được lập thành biên bản và có chữ ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

Phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn công nhận theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Thẩm quyền công nhận, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này có thẩm quyền công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển.

2. Trung tâm nghiên cứu và phát triển bị thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy công nhận;

b) Có hành vi giả mạo hồ sơ đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển;

c) Có hành vi vi phạm một trong các điều cấm quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;

d) Không thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật thông tin hoạt động của tổ chức lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

đ) Không còn đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này trong quá trình hoạt động;

e) Theo yêu cầu hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển phải được thông báo bằng văn bản cho trung tâm nghiên cứu và phát triển, cơ quan quản lý trực tiếp của trung tâm (nếu có), các cơ quan liên quan, đồng thời được cập nhật lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Chương III **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, THỐNG KÊ**

Mục 1 **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ** **VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Điều 31. Nguyên tắc của hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Chính xác, khách quan, đầy đủ, kịp thời; hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng và quản lý.

2. Bảo đảm quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật thông tin khoa học và công nghệ; không xâm phạm lợi ích quốc gia.

4. Bảo đảm các yêu cầu về kết nối, chia sẻ, công khai minh bạch, có tính so sánh.

5. Hướng tới phổ biến và lan toả tri thức, tiếp cận thông lệ và chuẩn mực quốc tế, phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

Điều 32. Các loại hình hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Các loại hình hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

1. Tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.
2. Tổng hợp, phân tích thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ cho dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội khác.
3. Phát triển nền tảng số, cơ sở dữ liệu, thư viện, thư viện số về khoa học và công nghệ.
4. Quản lý và phổ biến thông tin, tri thức tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
5. Tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
6. Các hình thức hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 33. Quản lý thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Thu thập, cập nhật, bổ sung và phát triển nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thu thập bao gồm: thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công bố khoa học và công nghệ, nhân lực khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân, năng lượng nguyên tử và các thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác;

b) Thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm thông tin về nhiệm vụ đang tiến hành, kết quả thực hiện nhiệm vụ, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ) được thu thập thông qua Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; được quản lý tập trung, thống nhất trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; được kết nối với hệ thống thông tin khác có liên quan. Nội dung thông

tin nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước hoặc được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước để thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm đăng ký thông tin tổ chức, cá nhân; cập nhật thông tin về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước cung cấp, cập nhật, chia sẻ thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được bổ sung thông qua các hình thức mua sắm tài liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc dịch vụ truy cập cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế.

2. Xử lý, phân loại, chuẩn hoá và lưu trữ thông tin

a) Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xử lý, phân loại theo lĩnh vực, ngành, từ khoá chuẩn, có mã định danh điện tử, liên kết với thành phần dữ liệu liên quan; được tổ chức thành các cơ sở dữ liệu có khả năng kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác có liên quan;

b) Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lưu trữ dài hạn dưới dạng tài liệu số và tài liệu vật lý; tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, chia sẻ, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, công bố công khai trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dưới hình thức toàn văn hoặc tóm tắt hoặc dữ liệu mở, trừ các thông tin mang nội dung bí mật nhà nước; bảo đảm quyền tác giả, quyền khai thác của tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ các thông tin mật.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm cử đầu mối thông tin khoa học và công nghệ để thực hiện việc thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 34. Phát triển, chia sẻ nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để tạo lập, phát triển, chia sẻ nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì bổ sung tập trung nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc tế sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ sở giáo dục đại học; điều tiết, phối hợp bổ sung và chia sẻ các nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các tổ chức thông tin, thư viện, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp thông qua mô hình liên hợp thư viện.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho hoạt động phát triển nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 35. Khai thác sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan quản lý khoa học và công nghệ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phục vụ công tác điều hành, quản lý nhà nước, tra cứu thông tin phục vụ quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh.

Điều 36. Tạp chí khoa học

Tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn khoa học khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí về nội dung học thuật

a) Có tôn chỉ, mục đích rõ ràng, phản ánh phạm vi chuyên môn khoa học nhất quán;

b) Bài báo đăng tải phải là bài nghiên cứu gốc, bài tổng quan khoa học, bài trao đổi/phản biện học thuật, có đóng góp mới về mặt học thuật hoặc thực tiễn;

c) Được công bố bằng tiếng Việt chuẩn mực hoặc tiếng Anh học thuật, hoặc ngôn ngữ khác sử dụng hệ thống trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế.

2. Tiêu chí về Hội đồng biên tập

a) Có ít nhất 50% là chuyên gia ngoài cơ quan chủ quản là thành viên của Hội đồng biên tập;

b) Các thành viên Hội đồng biên tập, ban biên tập có trình độ chuyên môn phù hợp.

3. Tiêu chí về quy trình bình duyệt bài

a) Có quy trình tiếp nhận - phản biện - quyết định - chỉnh sửa minh bạch, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của tạp chí;

b) Áp dụng phản biện kín, tối thiểu 02 phản biện độc lập cho mỗi bài;

c) Hồ sơ phản biện phải được lưu trữ tối thiểu 05 năm.

4. Tiêu chí về chuẩn mực xuất bản

a) Tạp chí phải có mã số chuẩn quốc tế ISSN do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có quy định về chuẩn mực xuất bản khoa học theo thông lệ quốc tế;

c) Có chính sách công khai về phát hiện đạo văn, rút bài, xử lý xung đột lợi ích và bản quyền xuất bản;

d) Không chấp nhận bài báo vi phạm bản quyền, dữ liệu giả, trích dẫn sai lệch.

5. Tiêu chí về minh bạch và khả năng truy cập

a) Có trang thông tin điện tử của tạp chí cập nhật đầy đủ thông tin (tên chỉ, danh sách ban biên tập, chính sách phản biện, quy định nộp bài, hướng dẫn tác giả);

b) Đăng tải bài báo dạng toàn văn, có tóm tắt, từ khóa, mã số DOI (nếu có).

6. Tiêu chí về chỉ mục

Tạp chí khoa học phải được chỉ mục trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học và công nghệ hoặc một trong các cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế Scopus/Web of Science.

Điều 37. Hội đồng biên tập tạp chí

1. Hội đồng biên tập phải có tối thiểu 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch Hội đồng biên tập, Phó Chủ tịch Hội đồng biên tập (nếu có) và ủy viên là các nhà khoa học.

2. Tiêu chuẩn về chuyên môn và kinh nghiệm của thành viên Hội đồng

a) Thành viên Hội đồng phải có trình độ Thạc sĩ trở lên, trong đó tối thiểu 60% có trình độ Tiến sĩ hoặc Giáo sư/Phó Giáo sư;

b) Có bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí được chỉ mục quốc tế hoặc tạp chí khoa học có uy tín trong nước trong 05 năm gần nhất;

c) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy đại học hoặc quản lý khoa học và công nghệ.

3. Tiêu chuẩn về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp

Thành viên Hội đồng không vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; không lạm dụng quyền lực để can thiệp kết quả phản biện; không xử lý bài viết có xung đột lợi ích.

Điều 38. Quy trình xét chọn bài báo khoa học

Quy trình xét chọn bài báo bao gồm các bước sau:

1. Tiếp nhận bài viết qua hệ thống trực tuyến hoặc theo hình thức được quy định tại tạp chí và tổ chức sơ duyệt hình thức. Bài viết không đáp ứng yêu cầu sẽ bị từ chối hoặc yêu cầu chỉnh sửa trước khi đưa vào quy trình phản biện.

2. Đánh giá sơ bộ tính phù hợp của bài viết với phạm vi, định hướng học thuật của tạp chí. Nếu bài viết không phù hợp hoặc chưa bảo đảm chất lượng, có thể bị từ chối. Thông báo từ chối đăng bài của tạp chí được gửi tới tác giả.

3. Phân công phản biện khoa học. Mỗi bài viết được gửi đến ít nhất 02 phản biện độc lập có chuyên môn phù hợp, bảo đảm không có xung đột lợi ích.

4. Tổng hợp ý kiến phản biện và quyết định chấp nhận đăng bài không sửa chữa, hoặc yêu cầu sửa chữa và đánh giá lại sau khi tác giả chỉnh sửa, hoặc từ chối đăng bài.

5. Tác giả chỉnh sửa theo góp ý và nộp lại bản sửa cùng với bản giải trình chi tiết các điểm đã chỉnh sửa. Bản sửa có thể tiếp tục được gửi lại cho phản biện nếu cần thiết.

6. Tổng Biên tập căn cứ ý kiến phản biện và đánh giá cuối cùng của Ban biên tập, quyết định chấp nhận chính thức và đưa vào kế hoạch xuất bản đồng thời thông báo cho tác giả.

Điều 39. Xếp loại tạp chí khoa học

1. Tạp chí khoa học phải được đánh giá, xếp loại định kỳ dựa trên chất lượng học thuật, phù hợp với bối cảnh trong nước và theo thông lệ quốc tế. Việc đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học là cơ sở để xây dựng chính sách tài trợ, hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học.

2. Tạp chí khoa học được xếp loại như sau:

Loại 1: chiếm khoảng 25% số tạp chí có điểm số cao nhất trong từng đợt đánh giá;

Loại 2: chiếm khoảng 25% tiếp theo;

Loại 3: chiếm khoảng 25% tiếp theo;

Loại 4: chiếm khoảng 25% còn lại.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết bài báo khoa học và tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam; xây dựng cơ sở dữ liệu trích dẫn khoa học Việt Nam để phục vụ việc đánh giá, xếp loại tạp chí; ban hành danh mục và tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học định kỳ hằng năm; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế.

4. Kết quả đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học là cơ sở để thực hiện hỗ trợ nâng cao năng lực tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế từ ngân sách nhà nước và sử dụng để đánh giá hiệu quả của tổ chức khoa học và công nghệ.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 40. Nguyên tắc thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, thống nhất và có thể kiểm chứng.

2. Sử dụng thống nhất hệ thống chỉ tiêu, phương pháp luận, danh mục, phân loại thống kê theo quy định của Nhà nước.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về thống kê, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Bảo mật thông tin tổ chức, cá nhân, bí mật thương mại, sở hữu trí tuệ và dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 41. Phân loại thống kê khoa học và công nghệ

1. Hoạt động thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ và các bảng phân loại thống kê khác có liên quan.

2. Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ căn cứ để thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Tổ chức và phân loại các hoạt động khoa học và công nghệ; xác định và phân chia các lĩnh vực khoa học và công nghệ để thu thập và phân tích dữ liệu;

b) Chuẩn hóa cách thức thu thập, trình bày về cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ; so sánh giữa các ngành, lĩnh vực và so sánh quốc tế;

c) Các cơ quan quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phân bổ nguồn lực, hoạch định chiến lược, chính sách.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 42. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ bao gồm các chỉ tiêu thống kê được xây dựng một cách có hệ thống nhằm phản ánh toàn diện tình hình hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi quốc gia, ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ.

Điều 43. Thu thập và cung cấp thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thu thập thông qua chế độ báo cáo thống kê, điều tra thống kê, dữ liệu hành chính và các hình thức khác theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm cử đầu mối thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời số liệu thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc được hưởng chính sách ưu đãi của nhà nước phải báo cáo thông tin thống kê về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin thống kê về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ, điều tra thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 44. Công bố và sử dụng thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được công bố định kỳ dưới hình thức ấn phẩm thống kê, hệ thống dữ liệu mở hoặc các hình thức phù hợp khác.

2. Cơ quan công bố thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải bảo đảm độ tin cậy, minh bạch, dễ hiểu, dễ tiếp cận.

3. Việc sử dụng thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải tuân thủ quy định của pháp luật về thống kê, sử dụng đúng nguồn và trích dẫn rõ ràng, bảo đảm các yêu cầu về đạo đức và trách nhiệm sử dụng.

Chương IV ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 45. Mục tiêu và nguyên tắc đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và trách nhiệm giải trình trong việc sử dụng các nguồn lực của nhà nước và xã hội cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các mục tiêu cần đạt được bao gồm:

a) Theo dõi và đo lường mức độ đạt được các mục tiêu của các chiến lược, kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Bảo đảm quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, đồng thời thúc đẩy việc chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

c) Làm cơ sở cho việc hoạch định và điều chỉnh chính sách, xác định hướng ưu tiên và bố trí ngân sách phù hợp cho các bộ, ngành, địa phương, các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Việc đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình và tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch về phương pháp, dữ liệu và kết quả đánh giá;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan;

c) Dựa trên hệ thống dữ liệu số, ưu tiên sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

d) Tôn trọng đặc thù của hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, kết hợp giữa định lượng và định tính, đồng thời bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả quản lý và quyền tự chủ nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân;

đ) Áp dụng chỉ tiêu đánh giá phù hợp với từng loại hình chương trình, lĩnh vực chuyên môn, quy mô hoạt động và đặc thù của tổ chức hoặc chương trình được đánh giá.

Điều 46. Xây dựng kế hoạch đánh giá

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, ban hành kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào quý I hằng năm nhằm định hướng, điều phối và chuẩn hóa hoạt động đánh giá trên toàn quốc. Kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm các nội dung chính sau:

a) Xác định mục tiêu, phạm vi và nguyên tắc đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong từng thời kỳ;

b) Đối tượng đánh giá bao gồm chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình và tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có tác động đến hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia;

c) Đề xuất hệ thống chỉ tiêu, phương pháp đánh giá định lượng và định tính phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng giai đoạn;

d) Quy định về trách nhiệm, phạm vi công bố, hình thức sử dụng và công bố kết quả đánh giá trong quản lý, điều chỉnh chính sách và đầu tư;

đ) Hướng dẫn xây dựng, phổ biến và ứng dụng hệ thống công cụ, cơ sở dữ liệu, công nghệ đánh giá tiếp cận theo thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của Việt Nam;

e) Xây dựng cơ chế đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và quản lý chuyên gia độc lập, tổ chức tư vấn đánh giá chuyên nghiệp;

g) Nội dung khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý.

Điều 47. Đối tượng và nội dung đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đối tượng đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chiến lược, kế hoạch 05 năm, hằng năm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

b) Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định này;

d) Chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Các vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác theo yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Nội dung đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đánh giá kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

Số lượng, chất lượng và mức độ hoàn thiện của các sản phẩm khoa học và công nghệ, bao gồm sản phẩm nghiên cứu, công nghệ, giải pháp, mô hình, dịch vụ và các sản phẩm khác.

Kết quả đạt được so với kế hoạch về định tính và định lượng.

Mức độ ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống hoặc quản lý.

b) Đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hiệu quả sử dụng các nguồn lực đã được huy động, bao gồm tài chính, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và các yếu tố đầu vào khác.

Mức độ tương xứng giữa kết quả đầu ra với nguồn lực đầu vào đã sử dụng.

Hiệu quả kinh tế - xã hội từ sản phẩm hoặc kết quả nghiên cứu, tập trung đánh giá đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng cuộc sống, năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức.

c) Đánh giá tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tác động đối với phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, tiềm lực, vị thế khoa học quốc gia.

Tác động đối với ngành sản xuất, doanh nghiệp, tập trung vào nâng cao năng lực công nghệ, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tác động xã hội, tập trung vào tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lan tỏa tri thức khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Điều 48. Đánh giá kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc đánh giá kế hoạch về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được thực hiện hằng năm theo quy định tại Điều 46 Nghị định này.

2. Việc đánh giá kế hoạch về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện vào năm cuối của kỳ kế hoạch, trong đó tập trung vào mức độ hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, đóng góp vào phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, chính sách, năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, làm căn cứ xây dựng kế hoạch 05 năm tiếp theo.

3. Việc đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo các giai đoạn sau:

a) Đánh giá đầu kỳ được thực hiện trước khi triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm xác định tính khả thi về mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và nguồn lực thực hiện;

b) Đánh giá giữa kỳ được thực hiện vào khoảng giữa thời gian triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm xác định mức độ hoàn thành so với kế hoạch được phê duyệt, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu, mục tiêu nếu cần thiết để phù hợp với thực tế triển khai. Việc đánh giá giữa kỳ có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần do người có thẩm quyền đánh giá quyết định;

c) Đánh giá cuối kỳ được thực hiện khi chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã hoàn thành nhằm xác định mức độ hoàn thành mục tiêu, nội dung, sản phẩm đầu ra, chất lượng kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn lực và đóng góp vào phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

d) Đánh giá tác động được thực hiện sau một khoảng thời gian nhất định kể từ khi kết thúc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đo lường tác động đến phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, chính sách, năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Điều 49. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thể thực hiện một hoặc nhiều chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau đây:

- a) Nghiên cứu cơ bản;
- b) Nghiên cứu ứng dụng;
- c) Phát triển công nghệ;
- d) Nghiên cứu chính sách - xã hội.

2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

a) Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Quá trình triển khai, bao gồm tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức; mức độ hợp tác nghiên cứu; cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu.

Kết quả đầu ra, bao gồm số lượng công bố quốc tế, số lần trích dẫn trung bình/công bố quốc tế, số lượng công bố trong nước.

Hiệu quả sử dụng nguồn lực, bao gồm số công bố quốc tế trên mỗi nhà nghiên cứu toàn thời gian, chi phí trung bình cho mỗi công bố quốc tế, tỷ trọng chi cho nhóm nghiên cứu mạnh.

Tác động, bao gồm tác động đến định hướng học thuật, được sử dụng trong đào tạo đại học và sau đại học, vai trò trong các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Quá trình triển khai, bao gồm tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức, mức độ hợp tác nghiên cứu, cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu.

Kết quả đầu ra, bao gồm công bố khoa học, sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản, kết quả mô hình thử nghiệm, thông số kỹ thuật.

Hiệu quả sử dụng nguồn lực, bao gồm số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản trên mỗi tổ chức nghiên cứu; chi phí trung bình cho mỗi sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản, mô hình thử nghiệm/ứng dụng; tỷ lệ doanh thu bên ngoài trên tổng doanh thu của tổ chức.

Tác động, bao gồm kết quả nghiên cứu được tiếp nhận, sử dụng hoặc phát triển tiếp; được sử dụng làm căn cứ để ban hành tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành; thúc đẩy liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp - nhà nước.

c) Tổ chức thực hiện chức năng phát triển công nghệ được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Quá trình triển khai, bao gồm thiết kế, tích hợp và kiểm chứng kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ; mức độ nội địa hóa, làm chủ các thành phần công nghệ chính; liên kết sản xuất thử nghiệm, sản xuất với doanh nghiệp.

Kết quả đầu ra, bao gồm sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản được thương mại hóa; sản phẩm thử nghiệm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định bởi cơ quan độc lập; quy trình công nghệ được hoàn thiện và thương mại hóa.

Hiệu quả sử dụng nguồn lực, bao gồm tỷ lệ thương mại hóa của kết quả đầu ra; tỷ lệ doanh thu trên chi phí nghiên cứu và phát triển của tổ chức; số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hình thành trong 3 năm gần nhất.

Tác động, bao gồm nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp; tác động đến xã hội và môi trường; nâng cao năng lực công nghệ của lĩnh vực nghiên cứu.

d) Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu chính sách - xã hội được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Quá trình triển khai, bao gồm mức độ rõ ràng, phù hợp, linh hoạt và thích ứng với nhu cầu xã hội của định hướng nghiên cứu; mức độ hợp tác nghiên cứu; cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu.

Kết quả đầu ra, bao gồm công bố khoa học; ấn phẩm khoa học; kết quả nghiên cứu được đề xuất, kiến nghị trong hoạch định chiến lược, chính sách.

Hiệu quả sử dụng nguồn lực, bao gồm kết quả nghiên cứu được áp dụng trong hoạch định chiến lược, chính sách, thể chế hóa, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội; khả năng tư vấn, phản biện chính sách; mức độ ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu.

Tác động, bao gồm tác động đến kinh tế - xã hội - môi trường; tác động đến thay đổi nhận thức thái độ, hành vi của xã hội; mức độ lan tỏa chính sách ra địa phương, ngành;

đ) Tổ chức thực hiện nhiều chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đánh giá theo từng chức năng tương ứng với bộ tiêu chí đánh giá quy định chi tiết tại mục II Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và cập nhật tài liệu hướng dẫn chi tiết đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Xếp loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ kết quả đánh giá, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xếp loại: Loại A - xuất sắc; Loại B - hoàn thành tốt; Loại C - trung bình; Loại D - kém.

Điều 50. Trình tự, thủ tục đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan chủ trì đánh giá có trách nhiệm xác định rõ đối tượng đánh giá, mục tiêu đánh giá, bám sát yêu cầu quản lý nhà nước, định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt.

2. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch đánh giá

- a) Kế hoạch đánh giá phải xác định rõ nội dung, tiêu chí, phương pháp, thời gian, nhân lực, kinh phí và dữ liệu phục vụ đánh giá;
- b) Kế hoạch đánh giá phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

3. Thông báo đánh giá

- a) Cơ quan chủ trì đánh giá có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đối tượng được đánh giá và các bên liên quan về nội dung, thời gian, phương pháp và thành phần tham gia đánh giá;
- b) Thời điểm thông báo phải bảo đảm tối thiểu 10 ngày làm việc trước khi bắt đầu đánh giá để các bên chuẩn bị.

4. Thu thập và chuẩn bị dữ liệu đánh giá

- a) Việc thu thập dữ liệu phục vụ đánh giá được thực hiện từ các nguồn thông tin hợp pháp, bao gồm: báo cáo thực hiện, tài liệu quản lý, kết quả nghiên cứu, số liệu thống kê, dữ liệu hành chính và các nguồn liên quan khác;
- b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin, dữ liệu phục vụ công tác đánh giá theo yêu cầu của cơ quan chủ trì đánh giá.

5. Thực hiện đánh giá

- a) Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, cơ quan chủ trì đánh giá tổ chức thực hiện đánh giá bằng các phương pháp phù hợp, bảo đảm khách quan, độc lập và minh bạch;
- b) Trong trường hợp cần thiết, việc đánh giá được thực hiện bởi hội đồng đánh giá hoặc tổ chức tư vấn đánh giá độc lập do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

6. Lập và phê duyệt báo cáo kết quả đánh giá

- a) Kết quả đánh giá được phân tích theo từng tiêu chí và mục tiêu đã đặt ra, bảo đảm phản ánh đầy đủ mức độ hoàn thành, hiệu quả và tác động của đối tượng đánh giá;
- b) Báo cáo đánh giá phải thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kết quả, kết luận và kiến nghị (nếu có), đồng thời được kiểm tra, xác nhận và phê duyệt theo quy định.

7. Công bố kết quả đánh giá và thực hiện kiến nghị

a) Kết quả đánh giá được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì đánh giá và các phương tiện phù hợp khác;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu và tổ chức thực hiện các kiến nghị tại báo cáo đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của đánh giá theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 51. Tần suất thực hiện đánh giá, kiểm tra kết quả đánh giá và đánh giá lại

1. Tần suất thực hiện đánh giá

a) Chiến lược, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá giữa kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý khi có sự thay đổi lớn về chính sách, kinh tế - xã hội, công nghệ;

b) Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập được đánh giá định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;

c) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước để thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá định kỳ theo yêu cầu quản lý, kiểm soát hoặc điều chỉnh chính sách.

2. Kiểm tra kết quả đánh giá

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra kết quả đánh giá theo các nội dung sau:

a) Việc tuân thủ quy trình, phương pháp, tiêu chí đánh giá đã được phê duyệt;

b) Tính khách quan, độc lập, đầy đủ, chính xác của dữ liệu, phân tích và kết luận trong báo cáo đánh giá;

c) Sự phù hợp giữa kết quả đánh giá và mục tiêu của chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Đề xuất các biện pháp xử lý nếu phát hiện sai phạm hoặc đề xuất đánh giá lại.

3. Đánh giá lại

Việc đánh giá lại được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đơn kiến nghị, phản ánh hợp lệ về sai sót, thiếu khách quan trong quá trình đánh giá hoặc kết luận đánh giá;
- b) Kết quả đánh giá có biểu hiện sai lệch, không phản ánh đúng thực tế do sử dụng sai phương pháp, tiêu chí hoặc nguồn dữ liệu không chính xác;
- c) Có thay đổi lớn về chiến lược, chính sách hoặc mục tiêu của chương trình, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dẫn đến nhu cầu đánh giá lại tính phù hợp và hiệu lực của kết quả trước đó;
- d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

- a) Thống nhất quản lý về đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc;
- b) Ban hành và cập nhật các bộ tiêu chí đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- d) Tổ chức đánh giá chiến lược, chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá kế hoạch theo thẩm quyền; đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, đặc biệt, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội; trong trường hợp cần thiết, được phép thuê tổ chức tư vấn độc lập quy định tại khoản 3 Điều này hoặc thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá quy định tại khoản 4 Điều này để thực hiện việc đánh giá;
- đ) Tổ chức đánh giá hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của một bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong trường hợp cần thiết.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- a) Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá đối với chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nội dung bí mật nhà nước, các bộ, cơ quan quản lý chương trình phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá riêng.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

a) Sử dụng cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập quy định tại khoản 3 Điều này hoặc thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá quy định tại khoản 4 Điều này để tổ chức đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý theo bộ tiêu chí và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Khuyến khích việc thuê tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện đánh giá các chương trình quy mô lớn, có tính chất phức tạp;

b) Định kỳ báo cáo kết quả đánh giá về Bộ Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp;

c) Công khai kết quả đánh giá trên phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của tổ chức để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Tổ chức tư vấn đánh giá độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân và có kinh nghiệm, năng lực, chuyên môn trong lĩnh vực đánh giá.

5. Hội đồng tư vấn đánh giá

a) Hội đồng tư vấn đánh giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, bao gồm các nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài nước có uy tín, trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm phù hợp với nội dung đánh giá;

b) Hội đồng tư vấn đánh giá có trách nhiệm đánh giá theo đúng phương pháp, tiêu chí và nội dung đã được phê duyệt; cung cấp ý kiến phản biện độc lập, kiến nghị giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, hoạt động của tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Phối hợp và phân công trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì đánh giá có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai các hoạt động đánh giá, bao gồm chia sẻ dữ liệu, cử cán bộ tham gia hội đồng, tổ chức đánh giá hoặc hỗ trợ kỹ thuật khi được yêu cầu;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ được yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cung cấp thông tin, cử đại diện tham gia hội đồng đánh giá, tổ công tác hoặc các hoạt động phối hợp nhằm bảo đảm thống nhất trong hệ thống quản lý đánh giá trên toàn quốc.

Điều 53. Sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại của tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cơ sở để xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, phương án phân bổ và bố trí ngân sách nhà nước, số lượng người làm việc, sắp xếp tổ chức và áp dụng chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Tổ chức được đánh giá và xếp loại A - xuất sắc và loại B - hoàn thành tốt được phân bổ kinh phí ở mức cao hơn trong kế hoạch ngân sách trung hạn và hằng năm để mở rộng quy mô hoạt động, triển khai nhiệm vụ mới và nâng cao năng lực nghiên cứu.

3. Tổ chức được đánh giá và xếp loại C - trung bình hoặc loại D - kém được phân bổ kinh phí tương ứng với mức độ hoàn thành nhiệm vụ; phải xây dựng kế hoạch cải thiện hiệu quả hoạt động mới đủ điều kiện đề xuất kinh phí bổ sung ở các chu kỳ tiếp theo.

4. Việc điều chỉnh mức phân bổ kinh phí được thực hiện định kỳ hằng năm hoặc theo chu kỳ đánh giá, bảo đảm gắn phân bổ nguồn lực công với kết quả đầu ra và tác động thực tế của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương V

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 54. Nội dung chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Xây dựng, vận hành các nền tảng số quản lý toàn diện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết nối các chủ thể trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Số hoá các kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các dữ liệu được tạo ra trong quá trình nghiên cứu để hình thành các cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Ứng dụng công nghệ số phục vụ thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích, dự báo, lưu trữ, tra cứu, khai thác và phổ biến thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Ứng dụng công nghệ số để đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Xây dựng hệ thống hồ sơ số về kết quả, hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân;

b) Phát triển nền tảng hỗ trợ đánh giá tự động, tích hợp với Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tích hợp các hệ thống định danh số đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Phát triển dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 55. Bảo đảm hạ tầng số cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp với Bộ Công an bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức tham gia xây dựng và cung cấp hạ tầng số cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 56. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện ứng dụng trí tuệ nhân tạo, và dữ liệu lớn để nâng cao hiệu quả và năng suất nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ tự động hóa quy trình tra cứu, tổng hợp, phân tích thông tin khoa học và công nghệ; gợi ý vấn đề nghiên cứu, ý tưởng đổi mới sáng tạo; tối ưu hóa công tác tổ chức, quản lý, báo cáo và đánh giá hiệu quả công việc và các hoạt động hỗ trợ khác.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu mở về khoa học và công nghệ để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để phân tích, đánh giá xu hướng công nghệ, dự báo chiến lược, hoạch định chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đánh giá hiệu quả đầu tư và hỗ trợ ra quyết định trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ban hành hướng dẫn kỹ thuật về đạo đức sử dụng AI trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nhà nước khuyến khích hợp tác công - tư trong việc xây dựng, triển khai và chia sẻ các công cụ, nền tảng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn; khuyến khích các nhà khoa học, tổ chức chia sẻ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu khoa học mở.

Điều 57. Xây dựng và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này.

2. Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng; có khả năng tích hợp, mở rộng, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin, nền tảng số khác; hỗ trợ xác thực điện tử, định danh số; bảo đảm quyền truy cập phù hợp với từng đối tượng người dùng.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ban hành quy định về thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có liên quan thuộc phạm vi quản lý lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 58. Xây dựng và phát triển Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

1. Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia là công cụ để theo dõi, quản lý, toàn diện, tập trung, thống nhất; đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ trung ương đến địa phương; được ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ tổng hợp, phân tích, đánh giá, quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia được sử dụng để quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kết quả và sản phẩm khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ, tài chính - đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Cơ quan quản lý khoa học và công nghệ các cấp, các Quỹ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải sử dụng Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để thực hiện quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; ban hành hướng dẫn sử dụng Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Điều 59. Xử lý vi phạm trong việc cung cấp, cập nhật thông tin lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thực hiện cung cấp, cập nhật thông tin liên quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ bị xem xét ngừng cấp tiếp kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc không đủ điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp không thực hiện đầy đủ trách nhiệm cập nhật thông tin liên quan lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ xem xét, điều chỉnh giảm kinh phí hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ quan trong kế hoạch năm tiếp theo.

Điều 60. Kinh phí cho hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguồn kinh phí hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động khác quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) cân đối, bố trí trong dự toán hằng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ thông tin, thống kê, đánh giá khoa học, và các dịch vụ khác (nếu có);

c) Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các hoạt động khác quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Chi xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

b) Tăng cường năng lực của các tổ chức thực hiện chức năng thông tin, thống kê và đánh giá khoa học công lập;

c) Các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và chuyển đổi số của tổ chức thực hiện chức năng thông tin, thống kê và đánh giá khoa học công lập;

d) Tạo lập, phát triển, cập nhật và mua nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua các phần mềm ứng dụng trong hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá khoa học;

đ) Duy trì và phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ, cổng thông tin điện tử về khoa học và công nghệ, cơ sở dữ liệu, thư viện số về khoa học và công nghệ;

e) Phổ biến thông tin, tri thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

g) Hợp tác và hội nhập quốc tế về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Thuê chuyên gia độc lập, tổ chức tư vấn đánh giá độc lập;

i) Điều tra thống kê, khảo sát;

k) Các nội dung có liên quan khác về hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân hợp tác, tài trợ cho hoạt động thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động khác quy định tại Nghị định này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, tiếp tục có giá trị pháp lý cho đến khi có thay đổi, bổ sung. Trường hợp có thay đổi, bổ sung thông tin liên quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh trước ngày Nghị định này có hiệu lực chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh đã thành lập và đăng ký hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, có trách nhiệm rà soát điều kiện thành lập theo quy định tại Nghị định này, nếu chưa đáp ứng thì phải tự hoàn thiện theo các điều kiện quy định tại Nghị định này.

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quy định tại các điều thuộc Chương II của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định này.

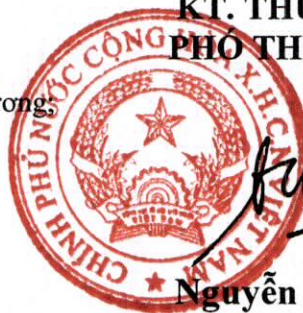
Điều 63. Hướng dẫn và trách nhiệm thi hành

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an vận dụng các quy định về thông tin, thống kê, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Nghị định này, xây dựng và ban hành các quy định thuộc phạm vi quản lý.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

[Handwritten signature]
Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU THÀNH LẬP TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ;
CÔNG NHẬN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN**

*(Kèm theo Nghị định số 262/2025/NĐ-CP
ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)*

STT	Nội dung
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.
Mẫu số 02	Đơn đề nghị thành lập tổ chức trực thuộc ở nước ngoài.
Mẫu số 03	Đơn đăng ký văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
Mẫu số 04	Bảng danh sách nhân lực.
Mẫu số 05	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận văn phòng đại diện/chi nhánh.
Mẫu số 06	Giấy chứng nhận văn phòng đại diện/chi nhánh.
Mẫu số 07	Đơn đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.
Mẫu số 08	Lý lịch khoa học của người đứng đầu tổ chức.
Mẫu số 09	Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập.
Mẫu số 10	Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật.
Mẫu số 11	Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.
Mẫu số 13	Báo cáo tình hình hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
Mẫu số 14	Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển.
Mẫu số 15	Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng...năm...

**ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP THÀNH LẬP TỔ CHỨC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

(Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập) đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài với các nội dung sau:

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ (Ghi tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; tên viết tắt bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

3. Người đứng đầu:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Giới tính:

Điện thoại:

Email:

Trình độ đào tạo:

Chức danh khoa học (nếu có):

Số căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài):

Nơi cấp:

Ngày cấp:

4. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thành lập

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân và các thông tin liên quan (quốc tịch/hộ chiếu, Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, thời gian hoạt động, địa chỉ liên hệ), tỉ lệ góp vốn, số tiền góp vốn.

6. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về thành lập và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài và các quy định khác của pháp luật.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng...năm...

Kính gửi: Cơ quan thực hiện chức năng thông tin, thống kê
thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ/Cơ quan chuyên môn về
khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

- (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số của tổ chức)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ (Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; tên viết tắt bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có)):

2. Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ:

Số:

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

3. Trụ sở chính:

Địa chỉ: (Theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ)

Điện thoại:

Email:

4. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

5. Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên:

Chức vụ:

6. Tóm tắt quá trình thành lập và hoạt động của tổ chức:

(Sơ lược về lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ)

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện/chi nhánh tại tỉnh/thành phố..... với nội dung cụ thể như sau:

Tên văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên viết tắt (nếu có):

Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Trụ sở văn phòng đại diện/chi nhánh:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Quyết định thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên cơ quan/tổ chức:

Quyết định thành lập số: ngày:

Người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Giới tính:

Điện thoại:

Email:

Trình độ đào tạo:

Chức danh khoa học (nếu có):

Số căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài):

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Chức danh:

Lĩnh vực hoạt động (căn cứ quyết định thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh):**Cam kết:**

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký;
- Hoạt động theo đúng nội dung Giấy chứng nhận được cấp, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số của tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG DANH SÁCH NHÂN LỰC

Tên của tổ chức khoa học và công nghệ/văn phòng đại diện/chi nhánh:

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ đào tạo, chức danh khoa học	Chuyên ngành	Chế độ làm việc		Nơi công tác của người làm việc kiêm nhiệm (nếu có)
		Nam	Nữ			Chính thức	Kiểm nhiệm	
1								
2								
3								
...								

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HOẶC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP (nếu có)
VỀ NỘI DUNG BẢNG DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số
của cơ quan, tổ chức)

... , ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số
của tổ chức)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/
CHI NHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI, BỔ SUNG, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ/
GIẤY CHỨNG NHẬN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH**

Kính gửi: Cơ quan thực hiện chức năng thông tin, thống kê
thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ/Cơ quan chuyên môn về
khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ/Tên văn phòng đại diện/chi nhánh:
(tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; tên viết tắt bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có)).

2. Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận Văn phòng đại diện/chi nhánh:

Số:

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

3. Trụ sở chính của tổ chức/trụ sở văn phòng đại diện/chi nhánh:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

4. Đề nghị được thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận Văn phòng đại diện/chi nhánh:
(Tổ chức khoa học và công nghệ/văn phòng đại diện/chi nhánh liệt kê một hoặc một số nội dung đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận Văn phòng đại diện/chi nhánh).

5. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Đơn đề nghị này và các tài liệu kèm theo;

- Hoạt động theo đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận Văn phòng đại diện/chi nhánh được cấp, đúng quy định của pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC/NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số của tổ chức)

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/
CHI NHÁNH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ . . .
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH

Đăng ký lần đầu, ngày tháng năm
Đăng ký lần thứ: ngày tháng năm

Tên văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên viết tắt(nếu có):

Tên viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài(nếu có):

Trụ sở văn phòng đại diện/chi nhánh:

Người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh:

Họ và tên:

Số căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với
người nước ngoài):

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Hoạt động theo uỷ quyền của tổ chức:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ

Số: Cơ quan cấp: Ngày cấp:

SỐ ĐĂNG KÝ:

Lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh:

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

....., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ TỊCH

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Cơ quan thực hiện chức năng thông tin, thống kê
thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ/Cơ quan chuyên môn về
khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

3. Cơ quan/tổ chức quyết định thành lập:

Tên cơ quan/tổ chức:

Quyết định thành lập số: ngày

(Hoặc “Biên bản của Hội đồng sáng lập ngày ”, đối với tổ chức do cá nhân thành lập).

4. Người đứng đầu:

Họ và tên:

Số căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài):

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Điện thoại:

Email:

Trình độ đào tạo:

Chức danh khoa học (nếu có):

5. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (căn cứ vào quyết định thành lập và điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức):

6. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

- Hoạt động theo đúng nội dung Giấy chứng nhận được cấp, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tổ chức.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số
của tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ)

1. Họ và tên:

2. Ngày sinh:

Giới tính:

3. Quốc tịch:

4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Điện thoại:

Email:

Chỗ ở hiện nay:

5. Quá trình đào tạo *(kể cả các khoá đào tạo ngắn hạn có liên quan)*:

Từ Đến	Ngành, lĩnh vực đào tạo	Nơi đào tạo <i>(Tên trường, nước)</i>

6. Quá trình công tác:

Từ Đến	Chức vụ <i>(nếu có)</i>	Lĩnh vực chuyên môn	Nơi công tác

7. Trình độ ngoại ngữ *(loại tiếng, trình độ)*:

8. Những công trình đã công bố:

(Ghi rõ các công trình, bài báo, báo cáo khoa học tiêu biểu đã công bố, nơi công bố, năm công bố, nhà xuất bản (nếu có)).

Tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung bản lý lịch khoa học, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HOẶC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP *(nếu có)*
VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN LÝ LỊCH KHOA HỌC

*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số
của cơ quan, tổ chức)*

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA . . . (Tên tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập)

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của ... (Tên tổ chức khoa học và công nghệ).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động của ... (Tên tổ chức khoa học và công nghệ)

... (Tên tổ chức khoa học và công nghệ) là tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập, hoạt động theo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025, Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung và các văn bản liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục tiêu, phương hướng hoạt động của ... (Tên tổ chức khoa học và công nghệ): ghi tóm tắt, bảo đảm không vi phạm các quy định tại Điều 14 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tư cách pháp nhân

1. Tên tổ chức (ghi tên đầy đủ bằng tiếng Việt):

Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên đầy đủ và tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Email:

Điện thoại:

... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) có thể mở văn phòng đại diện, chi nhánh khi có nhu cầu. Việc thành lập và đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh tuân theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*):

Tên người đứng đầu:

Chức danh:

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) là tổ chức khoa học và công nghệ có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản riêng bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình hoạt động, ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 4. Thành viên sáng lập

1. Danh sách thành viên sáng lập của ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) được liệt kê kèm theo Điều lệ này (*nếu có*).

2. Các thành viên sáng lập có thể tạo thành Hội đồng sáng lập. Ngay khi đi vào hoạt động, Hội đồng sáng lập chuyển thành Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*).

3. (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) có thể chấp nhận các thành viên mới theo quyết định của Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*). Danh sách có thể được thay đổi, bổ sung theo các quy định của Điều lệ này. Mỗi lần thay đổi, bổ sung, danh sách được cập nhật và là phần không thể tách rời của Điều lệ này.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Lĩnh vực hoạt động

(*Ghi đúng theo lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ*).

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chức năng:

(*Nêu rõ chức năng nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đăng ký*).

2. Nhiệm vụ:

(*Nêu các nội dung hoạt động cụ thể để thực hiện chức năng của đơn vị*)

3. Quyền hạn:

- Tự tổ chức bộ máy, sử dụng nhân lực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ;
- Tự chủ xây dựng kế hoạch hoạt động;
- Tự chủ ký kết các hợp đồng nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ;
- Tự chủ về tài chính;
- Tự chủ quyết định giá cả các sản phẩm nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ theo thỏa thuận qua hợp đồng;
- Chủ động trong ký kết các hợp đồng, các thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên cơ sở tuân thủ pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) (*nếu có*)

1. Hội đồng khoa học (*nếu có*)
2. Ban điều hành (gồm Viện trưởng/Giám đốc/..., Phó Viện trưởng/Phó Giám đốc/...) và Kế toán trưởng
3. Văn phòng và các Phòng/Ban chức năng
4. Các bộ phận khác (*nếu có*)
5. Văn phòng đại diện, Chi nhánh (*nếu có*)

Điều 8. Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) (*nếu có*)

1. Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*).
 - a) Bao gồm các thành viên nêu tại Điều 4 và có quyền quyết định cao nhất đối với tổ chức và hoạt động của ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*).
 - b) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ không có Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) thì các thành viên sáng lập có các quyền và trách nhiệm như của Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*).
2. Quyền của Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*)
 - a) Quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị như: chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hằng năm; bổ sung các thành viên mới của Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*); sửa đổi, bổ sung điều lệ; cơ cấu tổ chức; giải thể.

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng ... *(Tên tổ chức khoa học và công nghệ)*

c) Quyết định nhân sự Viện trưởng/Giám đốc/...

d) Bổ sung, miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng khoa học theo đề nghị của Viện trưởng/Giám đốc/...

đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hằng năm của đơn vị.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trách nhiệm của Hội đồng ... *(Tên tổ chức khoa học và công nghệ)*

a) Ban hành các quyết định hợp pháp và phù hợp với Điều lệ này.

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về các quyết định của mình.

4. Cơ chế hoạt động của Hội đồng ... *(Tên tổ chức khoa học và công nghệ)*

Quy định cụ thể các trường hợp họp thường kỳ, bất thường, thủ tục chuẩn bị (mời họp, chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp), thành phần tham dự, cơ chế biểu quyết, hình thức và nội dung của biên bản họp...

5. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng ... *(Tên tổ chức khoa học và công nghệ)*

Quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng trong việc xây dựng chương trình hoạt động của Hội đồng, chủ trì, điều hành các cuộc họp của Hội đồng, ký các quyết định của Hội đồng.

Quy định quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng trong việc tham gia họp, thảo luận, kiến nghị và biểu quyết; quyền được thông tin và các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật; tuân thủ Điều lệ của đơn vị; chấp hành quyết định của Hội đồng và các nghĩa vụ khác *(nếu có)*.

Điều 9. Hội đồng khoa học *(nếu có)*

Quy định về tiêu chuẩn, thành phần, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên.

Điều 10. Ban Điều hành

Quy định cơ chế bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm và trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh: Viện trưởng/Giám đốc/..., Phó Viện trưởng/Giám đốc/..., kế toán trưởng và các trưởng ban/ bộ phận *(nếu có)*.

Riêng đối với Viện trưởng/Giám đốc/..., phân trách nhiệm phải ghi rõ:

Viện trưởng/Giám đốc/... là người điều hành cao nhất của ... *(Tên tổ chức khoa học và công nghệ)*, chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của ... *(Tên tổ chức khoa học và công nghệ)*, tuân thủ các quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Báo chí, Luật Xuất bản và các pháp luật có liên quan.

Chương IV QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 11. Nguồn thu tài chính

1. ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) có quyền tự chủ về tài chính theo nguyên tắc lấy thu bù chi trên cơ sở tuân thủ các quy định về tài chính của pháp luật.

2. Các nguồn tài chính của ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*):

a) Đóng góp của các thành viên;

b) Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu và phát triển;

c) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ;

d) Nguồn thu hợp pháp khác (nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn vay từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng...).

Điều 12. Các nguyên tắc tài chính

1. Các khoản thu của ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

a) Trả lương, thù lao, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người làm việc trong ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*).

b) Mua sắm, thuê các phương tiện vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của đơn vị.

c) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sau khi hoàn trả các chi phí, hoàn thành các nghĩa vụ, phần thu nhập còn lại sẽ được sử dụng cho các Quỹ (ví dụ: Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng, Quỹ dự phòng rủi ro).

3. Năm tài chính của ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Chương V SÁP NHẬP, CHIA TÁCH, GIẢI THỂ TỔ CHỨC

Điều 13. Các điều kiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể

Quy định cụ thể các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể.

Điều 14. Trình tự, thủ tục sáp nhập, chia tách, giải thể

Điều kiện, trình tự thủ tục sáp nhập, hợp nhất, chi, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19 và 20 Nghị định số/2025/NĐ-CP.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

2. ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) cam kết thực hiện đúng những quy định của bản Điều lệ này, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Điều kiện sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Thẻ thức hợp, thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Khi cần bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, những người sáng lập hoặc Hội đồng ... (*Tên tổ chức khoa học và công nghệ*) sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi.

CÁC CÁ NHÂN THÀNH LẬP

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT

Tên của tổ chức khoa học và công nghệ:

Số TT	Loại cơ sở vật chất – kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Trị giá (triệu đồng)	Nguồn				
					Trong nước			Nước ngoài	
					Nhà nước	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Trụ sở, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, máy móc thiết bị, tài sản khác...								
1									
2									
...									
II	Vốn bằng tiền (*)								
1									
2									
...									
Tổng số:đồng									

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HOẶC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP (nếu có)
VỀ NỘI DUNG BẢNG KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số của cơ quan, tổ chức)

....., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC
 (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số của tổ chức)

(*)Đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài: kê khai số vốn bằng tiền bảo đảm đủ kinh phí hoạt động thường xuyên (bao gồm tiền lương, tiền công và tiền chi hoạt động bộ máy...) của tổ chức ít nhất trong 01 năm.

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THÔNG TIN, THỐNG KÊ
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày tháng năm
Đăng ký lần thứ: ngày tháng năm

Tên tổ chức khoa học và công nghệ: ⁽¹⁾

Tên viết tắt: *(nếu có)*

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*

Trụ sở chính:

Địa điểm hoạt động: *(nếu có)*

Cơ quan quyết định thành lập: ⁽²⁾

Quyết định thành lập: số ngày

Cơ quan quản lý trực tiếp: ⁽³⁾

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên:

Số căn cước Căn cước công dân số/Hộ chiếu *(đối với người nước ngoài)*:

Nơi cấp:

Ngày cấp:

SỐ ĐĂNG KÝ:

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

....., ngày ... tháng ... năm ...

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

⁽¹⁾ Tổ chức có vốn nước ngoài ghi là: "Tên tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài."

⁽²⁾ Tổ chức do cá nhân thành lập ghi: "Biên bản của Hội đồng sáng lập ngày ..."

⁽³⁾ Tổ chức do cá nhân thành lập ghi: "Không có (tổ chức do cá nhân thành lập)"

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, năm...

Kính gửi: Cơ quan thực hiện chức năng thông tin, thống kê
thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ/Cơ quan chuyên môn về
khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ (viết bằng chữ in hoa):
2. Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ:
(Ghi rõ số, ngày cấp các Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ lần đầu, các lần thay đổi, bổ sung, gia hạn)
3. Văn phòng đại diện/Chi nhánh (nếu có):
 - a) Địa chỉ:
 - b) Giấy chứng nhận (ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp:)
4. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị:

Khoa học Tự nhiên	☐	Khoa học Kỹ thuật và công nghệ	☐
Khoa học Y dược	☐	Khoa học Xã hội	☐
Khoa học Nhân văn	☐	Khoa học Nông nghiệp	☐
5. Những nội dung thay đổi trong Giấy chứng nhận chưa đăng ký:

Tên tổ chức KH&CN	☐	Cơ quan quyết định thành lập	☐
Trụ sở chính	☐	Cơ quan quản lý trực tiếp	☐
Người đứng đầu tổ chức	☐	Quyết định thành lập	☐
Lĩnh vực hoạt động	☐		
6. Nhân lực khoa học và công nghệ:

Đơn vị: người

TT	Phân loại nhân lực	Chế độ làm việc		Giới tính		Độ tuổi		
		Chính thức	Kiểm nhiệm	Nam	Nữ	≤45	> 45 và ≤ 60	Trên 60
1	Tiến sỹ							
2	Thạc sỹ							
3	Đại học, Cao đẳng							
	Tổng số							

(Đối với tổ chức khoa học và công nghệ có người nước ngoài làm việc chính nhiệm hoặc kiêm nhiệm: kê khai cụ thể thông tin của từng người: họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh và chế độ làm việc)

7. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:

a) Tổng số vốn (triệu đồng):

b) Tổng số vốn tại thời điểm hiện tại (triệu đồng (tạm tính)):

8. Tình hình tài chính của đơn vị trong năm:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng kinh phí chi thường xuyên	
2	Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở	
3	Tổng kinh phí do tài trợ của tổ chức, cá nhân	
4	Tổng kinh phí thu sự nghiệp (Thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu)	
5	Tổng doanh thu	
6	Số tiền nộp thuế	
7	Thu nhập bình quân tháng của cán bộ, công nhân viên	

9. Tình hình hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị trong năm:

a) Bảng tổng hợp:

TT	Nội dung	Số lượng
1	Đề tài, dự án thực hiện	
2	Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	
3	Các hoạt động khác	
4	Bằng sáng chế độc quyền được cấp	
5	Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	
6	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	
7	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	

b) Bảng chi tiết:

Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện trong năm

TT	Tên đề tài, dự án	Lĩnh vực nghiên cứu	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Kết quả (công nghệ, sản phẩm...)
1						
2						
3						
...						

Các hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện trong năm

TT	Tên Hợp đồng	Loại hình dịch vụ KH&CN					Giá trị HĐ (tr. đồng)	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Đối tác ký HĐ
		Chuyển giao công nghệ	Dịch vụ kỹ thuật	Tư vấn	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Khác			
1									
2									
3									
...									

Các hoạt động khác của đơn vị trong năm:

10. Đánh giá chung:

11. Kiến nghị, đề xuất:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số của tổ chức)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ ĐỘC LẬP - Tự do - Hạnh phúc
CÔNG NGHỆ

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**Tình hình hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh
của tổ chức khoa học và công nghệ, năm....**

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên đầy đủ (viết bằng chữ in hoa):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Giấy chứng nhận: Số: Ngày cấp:

2. Hoạt động theo ủy quyền của tổ chức:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ:

Số: Cơ quan cấp: Ngày cấp:

3. Nhân lực của văn phòng đại diện/chi nhánh:

a) Ghi rõ thông tin của từng người làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh:
họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân/hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh
và chế độ làm việc.

b) Tình hình thay đổi nhân sự trong năm (báo cáo chi tiết về):

- Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

- Thay đổi số người làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh (nếu có):

4. Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh trong năm:

(Tóm tắt những hoạt động do văn phòng đại diện/chi nhánh chủ trì hoặc phối
hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện trong năm)

5. Đánh giá chung:

6. Kiến nghị, đề xuất:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ ký số
của tổ chức)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG
THÔNG TIN, THỐNG KÊ
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CÔNG NHẬN
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Số chứng nhận:/TTNCPT

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ.....

Xét đề nghị của.....và hồ sơ đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển,

CÔNG NHẬN

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ-số..... cơ quan cấp..... ngày cấp....

Địa chỉ trụ sở chính:

là Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển

Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày ... tháng ... năm ...

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CÔNG NHẬN

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy công nhận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy công nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy công nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy công nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy công nhận theo quy định khi Giấy công nhận bị mất hoặc rách, nát.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG
THÔNG TIN, THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
VÀ PHÁT TRIỂN**

1. Họ và tên:
2. Chức vụ:
3. Nơi công tác (tên, địa chỉ, số điện thoại, fax):
4. Chức danh trong Hội đồng tư vấn thẩm định:
5. Hội đồng tư vấn thẩm định được thành lập theo Quyết định số ngày
... tháng ... năm ... của
6. Tên hồ sơ:
7. Loại hình Trung tâm nghiên cứu và phát triển:
 - 7.1 Công lập ☐
 - 7.2 Ngoài công lập ☐
 - 7.3 Có vốn nước ngoài ☐
8. Nội dung thẩm định:
 - 8.1. Thẩm định về tính đầy đủ của hồ sơ:

TT	Nội dung	Tình trạng	
		Có	Không
I	Văn bản đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển	☐	☐
II	Bản sao hợp lệ các tài liệu		
1	Quyết định thành lập	☐	☐
2	Điều lệ tổ chức và hoạt động	☐	☐
3	Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	☐	☐
III	Hồ sơ về nhân lực		
1	Danh sách nhân lực nghiên cứu toàn thời gian	☐	☐
2	Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ chuyên môn	☐	☐
3	Bản sao hợp lệ hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng	☐	☐

IV	Tài liệu minh chứng mức chi hoặc cam kết chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	☐	☐
V	Tài liệu minh chứng kết quả nghiên cứu được ứng dụng, chuyển giao, thương mại hoá trong 05 năm gần nhất; hoặc tài liệu xác nhận việc nộp đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định pháp luật	☐	☐

8.2. Thẩm định về nội dung của hồ sơ:

TT	Tiêu chí	Tình trạng	
		Đạt	Không đạt
1	Có tư cách pháp nhân và được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam	☐	☐
2	Có chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ghi rõ trong một trong các văn bản sau: Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	☐	☐
3	Có đội ngũ nhân lực nghiên cứu toàn thời gian tối thiểu 10 người, trong đó ít nhất 05 người có trình độ từ thạc sĩ trở lên thuộc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức	☐	☐
4	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu phù hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo lĩnh vực đăng ký hoạt động; được sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp	☐	☐
5	Có nguồn tài chính ổn định, bảo đảm mức chi hoặc cam kết chi tối thiểu 02 tỷ đồng mỗi năm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	☐	☐
6	Có kết quả nghiên cứu được ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa trong thời gian 05 năm gần nhất; hoặc có đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, bản quyền phần mềm máy tính hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ	☐	☐

8.3. Kết quả thẩm định:

- Hồ sơ (*sự đầy đủ, rõ ràng, chính xác*):

- Tiêu chí (*đáp ứng với các tiêu chí theo quy định*):

- Ý kiến khác:

9. Kết luận và kiến nghị:

☐ Đồng ý cấp Giấy công nhận.

☐ Không đồng ý cấp Giấy công nhận.

...., ngày.... tháng.... năm ...

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phụ lục II
QUY ĐỊNH NỘI DUNG THÔNG TIN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ CẬP NHẬT TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA
VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

(Kèm theo Nghị định số 262/2025/NĐ-CP
ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

I. Nội dung thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành

1	Tên nhiệm vụ:
2	Mã số nhiệm vụ (nếu có):
3	Thuộc chương trình/đề tài/dự án (nếu có) Mã số chương trình/đề tài/dự án (nếu có)
4	Lĩnh vực nghiên cứu (<i>mã số và tên lĩnh vực được quy định trong Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành</i>)
5	Tên tổ chức chủ trì: Họ và tên thủ trưởng: Địa chỉ: Điện thoại: Website: Tỉnh/thành phố: Fax:
6	Cơ quan chủ quản:
7	Chủ nhiệm nhiệm vụ Họ và tên: Số căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (<i>đối với người nước ngoài</i>) Học hàm, học vị Chức danh nghề nghiệp (<i>Chức danh nghiên cứu khoa học/chức danh công nghệ</i>): Chức vụ: Điện thoại: E-mail: Giới tính: Fax:
8	Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ (<i>họ và tên, học hàm, học vị và chức danh nghề nghiệp của cá nhân thực hiện nội dung chính/nội dung nghiên cứu thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>)
9	Mục tiêu nghiên cứu:
10	Tóm tắt nội dung nghiên cứu chính:
11	Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến:
12	Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến:
13	Thời gian thực hiện:.....tháng (từ..... đến.....)
14	Kinh phí được phê duyệt: triệu đồng
	Trong đó: - Từ ngân sách nhà nước: - Từ nguồn tự có của tổ chức: - Từ nguồn khác:
15	Quyết định phê duyệt: số..... ngày... tháng năm ...
16	Hợp đồng thực hiện: số ngày... tháng năm ...

(Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin trên, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm cập nhật bổ sung thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành lên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc qua Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia).

II. Nội dung thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1.	Tên nhiệm vụ
2.	Mã số nhiệm vụ (nếu có)
3.	Thuộc chương trình/đề tài/dự án (nếu có) Mã số chương trình/đề tài/dự án (nếu có)
4.	Lĩnh vực nghiên cứu:
5.	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
	Địa chỉ: Điện thoại: Website: Email:
6.	Cơ quan cấp trên trực tiếp của tổ chức chủ trì
7.	Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì
8.	Cơ quan cấp kinh phí
9.	Chủ nhiệm nhiệm vụ
	Họ và tên: Giới tính: Số căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Học hàm, học vị: Chức danh nghề nghiệp (Chức danh nghiên cứu khoa học/chức danh công nghệ): Điện thoại: E-mail:
10.	Tổng kinh phí được phê duyệt (triệu đồng):
	Bằng chữ: Trong đó, từ ngân sách nhà nước (triệu đồng):
11.	Thời gian thực hiện: tháng, (bắt đầu từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
12.	Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ (ghi họ tên, chức danh khoa học và học vị):
13.	Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức được thành lập theo Quyết định số..... ngày.... tháng ... năm của
14.	Họp nghiệm thu chính thức ngày ... tháng ... năm tại:.....
15.	Sản phẩm nghiên cứu
	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ. Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. Dữ liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (bao gồm mã nguồn và dữ liệu) (nếu có) Tài liệu khác (nếu có)

III. Nội dung thông tin ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1.	Tên nhiệm vụ:
2.	Loại hình nhiệm vụ (<i>nguyên cứu ứng dụng/phát triển công nghệ/sản xuất thử nghiệm</i>):
3.	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
	<i>Địa chỉ:</i> <i>Điện thoại:</i> <i>Website:</i> <i>Email:</i>
4.	Cơ quan cấp trên trực tiếp của tổ chức chủ trì:
5.	Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì:
6.	Chủ nhiệm nhiệm vụ:
	<i>Họ và tên:</i> <i>Giới tính:</i> <i>Số căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài):</i> <i>Học hàm, học vị:</i> <i>Chức danh nghề nghiệp (Chức danh nghiên cứu khoa học/ chức danh công nghệ):</i> <i>Điện thoại:</i> <i>E-mail:</i>
7.	Thông tin nghiệm thu, đánh giá chính thức (<i>theo thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>)
8.	Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (<i>Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả của nhiệm vụ: đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyển giao công nghệ không</i>)
9.	Nêu hiệu quả kinh tế (<i>nếu có</i>), tác động kinh tế - xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v... mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (<i>nếu có</i>)
10.	Địa chỉ ứng dụng:
11.	Thời gian ứng dụng (<i>từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm</i>):



Phụ lục III
KHUNG TIÊU CHÍ VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP
(Kèm theo Nghị định số 262/2025/NĐ-CP
ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

I. KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

1. Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 - Đ_t(1)
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	10	Đ ₁
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5	Đ ₂
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5	Đ ₃
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 - Đ_t(2)
2.1	Số lượng công bố quốc tế	10	Đ ₁
2.2	Số lần trích dẫn trung bình/công bố quốc tế	10	Đ ₂
2.3	Số lượng công bố trong nước	10	Đ ₃
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 - Đ_t(3)
3.1	Số công bố quốc tế trên mỗi nhà nghiên cứu toàn thời gian	10	Đ ₁
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi công bố quốc tế	5	Đ ₂
3.3	Tỷ trọng chi cho nhóm nghiên cứu mạnh	10	Đ ₃
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4 - Đ_t(4)
4.1	Tác động đến định hướng học thuật	10	Đ ₁
4.2	Được sử dụng trong đào tạo đại học và sau đại học	10	Đ ₂
4.3	Vai trò trong các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	5	Đ ₃
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng ĐT=Đ_t(1)+Đ_t(2)+Đ_t(3)+Đ_t(4)

2. Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 - $D_1(1)$
1.1	Tính mới trong định hướng nghiên cứu của tổ chức	10	D_1
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5	D_2
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5	D_3
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 - $D_1(2)$
2.1	Công bố khoa học	10	D_1
2.2	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản	10	D_2
2.3	Kết quả mô hình thử nghiệm, thông số kỹ thuật	10	D_3
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 - $D_1(3)$
3.1	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản trên mỗi tổ chức nghiên cứu	10	D_1
3.2	Chi phí trung bình cho mỗi sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/chăn nuôi/thủy sản, mô hình thử nghiệm	5	D_2
3.3	Tỷ lệ doanh thu bên ngoài trên tổng doanh thu của tổ chức	10	D_3
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4 - $D_1(4)$
4.1	Kết quả nghiên cứu được tiếp nhận, sử dụng hoặc phát triển tiếp	10	D_1
4.2	Được sử dụng làm căn cứ để ban hành tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành	10	D_2
4.3	Thúc đẩy liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp - nhà nước	5	D_3
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng ĐT $D_1(1)+D_1(2)+D_1(3)+D_1(4)$

3. Tổ chức thực hiện chức năng phát triển công nghệ

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 - $D_t(1)$
1.1	Thiết kế, tích hợp và kiểm chứng kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ	5	D_1
1.2	Mức độ nội địa hóa, làm chủ các thành phần công nghệ chính	10	D_2
1.3	Liên kết sản xuất thử nghiệm, sản xuất với doanh nghiệp	5	D_3
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 - $D_t(2)$
2.1	Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản được thương mại hóa	10	D_1
2.2	Sản phẩm thử nghiệm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, được kiểm định bởi cơ quan độc lập	10	D_2
2.3	Quy trình công nghệ được hoàn thiện và thương mại hóa	10	D_3
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 - $D_t(3)$
3.1	Tỷ lệ thương mại hóa của kết quả đầu ra	10	D_1
3.2	Tỷ lệ doanh thu trên chi phí nghiên cứu và phát triển của tổ chức	10	D_2
3.3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hình thành trong 3 năm gần nhất.	5	D_3
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm tiêu chí 4- $D_t(4)$
4.1	Nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp	10	D_1
4.2	Tác động đến xã hội và môi trường	10	D_2
4.3	Nâng cao năng lực công nghệ của lĩnh vực nghiên cứu	5	D_3
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng $DT=D_t(1)+D_t(2)+D_t(3)+D_t(4)$

4. Tổ chức thực hiện chức năng nghiên cứu chính sách - xã hội

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Quá trình triển khai	20	Tổng điểm tiêu chí 1 - $D_1(1)$
1.1	Mức độ rõ ràng, phù hợp, linh hoạt và thích ứng với nhu cầu xã hội của định hướng nghiên cứu	10	D_1
1.2	Mức độ hợp tác nghiên cứu	5	D_2
1.3	Cơ chế bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghiên cứu	5	D_3
2	Tiêu chí 2: Kết quả đầu ra	30	Tổng điểm tiêu chí 2 - $D_1(2)$
2.1	Công bố khoa học	10	D_1
2.2	Ấn phẩm khoa học	10	D_2
2.3	Kết quả nghiên cứu được đề xuất, kiến nghị trong hoạch định chiến lược, chính sách.	10	D_3
3	Tiêu chí 3: Hiệu quả sử dụng nguồn lực	25	Tổng điểm tiêu chí 3 - $D_1(3)$
3.1	Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong hoạch định chiến lược, chính sách, thể chế hóa, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội	10	D_1
3.2	Khả năng tư vấn, phản biện chính sách	10	D_2
3.3	Mức độ ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu	5	D_3
4	Tiêu chí 4: Tác động	25	Tổng điểm nhóm tiêu chí 4 - $D_1(4)$
4.1	Tác động đến kinh tế - xã hội - môi trường	10	D_1
4.2	Tác động đến thay đổi nhận thức thái độ, hành vi của xã hội	10	D_2
4.3	Mức độ lan tỏa chính sách ra địa phương, ngành	5	D_3
	TỔNG ĐIỂM	100	Điểm đánh giá cuối cùng ĐT $D_1(1)+D_1(2)+D_1(3)+D_1(4)$

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ.

1. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện một chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Căn cứ vào khung tiêu chí đánh giá quy định tại mục I, tiến hành phân tích, lượng hóa các tiêu chí thành phần và tính điểm theo thang điểm quy định đối với từng tiêu chí thành phần.

Việc đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết đánh giá hoạt động tổ chức khoa học công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và cập nhật hằng năm;

Tổng số điểm đánh giá được tính như sau:

a) Điểm đánh giá cho mỗi tiêu chí (Đ_t) là tổng điểm đánh giá của các tiêu chí thành phần (Đ_j):

$$\text{Đ}_t = \sum_{j=1}^j \text{Đ}_j$$

Trong đó: j là số lượng các tiêu chí thành phần

b) Tổng điểm đánh giá cho tổ chức (Đ_T) là tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá (Đ_t).

2. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện đồng thời từ hai chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trở lên

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định nguồn lực (tài chính, nhân lực) để thực hiện từng chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Mỗi chức năng được đánh giá riêng biệt theo bộ tiêu chí tương ứng với kết quả đánh giá độc lập như mục 1 nêu trên.

Việc xác định tỷ trọng (%) của từng chức năng trong hoạt động của tổ chức được thực hiện theo một trong các căn cứ sau:

- Tỷ trọng lệ ngân sách sử dụng theo chức năng;
- Tỷ trọng nhân lực phân bổ theo chức năng;
- Tỷ trọng kết quả đầu ra theo từng chức năng.

Việc xác định tỷ trọng được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết đánh giá hoạt động tổ chức khoa học công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và cập nhật hằng năm.

Tổng điểm đánh giá (E) của tổ chức theo công thức:

$$E = \sum w_i \times \text{Đ}_T i$$

Trong đó:

- w_i là tỷ trọng (%) của nhóm chức năng i ;
- $\text{Đ}_T i$ là điểm đánh giá của nhóm chức năng i (trên cùng một thang điểm).

3. Xếp loại hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học công nghệ công lập theo các mức sau.

- Loại A: Xuất sắc - Tổng điểm đánh giá đạt từ 80 điểm trở lên;
- Loại B: Hoàn thành tốt - Tổng điểm đánh giá đạt từ 60 đến < 80 điểm;
- Loại C: Trung bình - Tổng điểm đánh giá đạt từ 40 đến < 60 điểm;
- Loại D: Kém - Tổng điểm đánh giá đạt từ < 40 điểm.